

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**KHOA LUẬT**

**HOÀNG VĂN BẮC**

**TỘI LÀM GIẢ CON DẤU,  
TÀI LIỆU CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**  
(trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn tỉnh Phú Thọ)

*Chuyên ngành* : Luật hình sự và tố tụng hình sự

*Mã số* : 60 38 01 04

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2015**

**Công trình được hoàn thành**  
**tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Người hướng dẫn khoa học*: GS.TS. Đỗ Ngọc Quang

*Phản biện 1*:

*Phản biện 2*:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2015.

**Có thể tìm hiểu luận văn**  
**tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung**  
**tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI LÀM GIẢ CON DẤU, TÀI LIỆU CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b>	7
1.1. Những khái niệm có liên quan	7
1.1.1. Khái niệm con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	7
1.1.2. Khái niệm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức	10
1.1.3. Khái niệm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức	10
1.2. Quá trình hình thành và phát triển tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức trong pháp luật hình sự Việt Nam	12
1.2.1. Giai đoạn từ 1945 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985	12
1.2.2. Giai đoạn từ 1985 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999	13
1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 đến nay	14
1.3. Quy định của bộ luật hình sự năm 1999 về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	19
1.3.1. Các dấu hiệu pháp lý của tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	19
1.3.2. Chế tài hình sự đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	31
<b>Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI LÀM GIẢ CON DẤU, TÀI LIỆU CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TẠI TỈNH PHÚ THỌ VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ</b>	44
2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức tại tỉnh Phú Thọ	44

2.1.1. Vài nét về địa chính trị, kinh tế tỉnh Phú Thọ	44
2.1.2. Những kết quả đạt được trong điều tra, truy tố, xét xử về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	45
2.1.3. Những tồn tại, thiếu sót trong điều tra, truy tố, xét xử về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	58
2.2. Những nguyên nhân gây nên những tồn tại trong áp dụng pháp luật hình sự về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	65
2.3. Các đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	77
2.3.1. Những quan điểm cơ bản trong cải cách tư pháp liên quan đến đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	77
2.3.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	79
2.3.3. Các đề xuất, kiến nghị khác nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	86
<b>KẾT LUẬN</b>	93
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	97

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986) của Đảng, đất nước ta chuyển từ cơ chế tập trung, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bộ mặt xã hội đổi thay với những thành tựu vượt bậc về chính trị - kinh tế - văn hóa, cả nước tiến bước trên con đường đổi mới, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, những mặt trái của nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa mang lại, cộng với sự thiếu kinh nghiệm trong quản lý kinh tế - xã hội đã làm cho đời sống xã hội có những biến động phức tạp, sự xuống cấp về đạo đức lối sống của một bộ phận dân cư trong xã hội, tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp, sự phân hóa giàu nghèo... Đặc biệt, trong những năm gần đây, có một hiện tượng tiêu cực của xã hội đã không ngừng gia tăng về số vụ việc và đa dạng hơn, tinh vi hơn về cách thức thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, đó là tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Loại tội phạm này có chiều hướng gia tăng về số vụ, tính chất nghiêm trọng và phương thức và thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn, giá trị tài sản do phạm tội mà có ngày càng lớn, địa bàn phạm tội không chỉ bó hẹp ở một địa phương mà còn trải rộng trên nhiều tỉnh, thành khác nhau. Trong thực tiễn xét xử tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, không ít Tòa án còn gặp nhiều vướng mắc, lúng túng và không ít trường hợp còn chưa thống nhất các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về loại tội phạm này. Do vậy, việc tiếp tục nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và thực tiễn áp dụng để làm sáng tỏ về mặt khoa học và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng những quy định đó không chỉ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn và pháp lý quan trọng mà còn là lý do luận chứng cho sự cần thiết để tác giả lựa chọn đề tài "***Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trong Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn tỉnh Phú Thọ)***" làm luận văn thạc sĩ Luật học.

### 2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

- *Đối tượng nghiên cứu:*

Nghiên cứu trên đối tượng là hành vi phạm tội và người phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

Giải quyết những vấn đề xung quanh chế định tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trong luật hình sự Việt Nam; kết hợp với việc nghiên cứu, đánh giá tình hình thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân địa phương và những nguyên nhân, tồn tại, hạn chế nhằm đưa ra những kiến nghị, những giải pháp hoàn thiện luật thực định và nâng cao hiệu quả trong thực tiễn xét xử loại tội phạm này

### 3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

- *Mục đích nghiên cứu:*

Từ việc nghiên cứu các quy định của pháp luật về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và thực tiễn trong công tác xét xử tại địa phương, luận văn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trong luật hình sự Việt Nam, cũng như đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả trong thực tiễn xét xử.

- *Nhiệm vụ nghiên cứu:*

Để đạt mục đích trên luận văn có những nhiệm vụ sau:

- + Lý luận cơ bản về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức;
- + Thực tiễn xét xử tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Phú Thọ diễn ra như thế nào? Còn có gì vướng mắc khi áp dụng luật, khi xét xử?
- + Phương hướng hoàn thiện quy định của pháp luật về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức như thế nào?
- + Giải pháp nào để tăng cường hiệu quả công tác xét xử tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức?

### 4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng lý luận, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, về xây dựng Nhà nước và pháp luật, đấu

tranh phòng chống tội phạm; quan điểm của Đảng và Nhà nước về đấu tranh chống tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Luận văn sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp quy nạp, diễn dịch...

## **5. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 2 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề chung về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trong pháp luật hình sự Việt Nam.

*Chương 2:* Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức tại tỉnh Phú Thọ và những đề xuất, kiến nghị.

### **Chương 1**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI LÀM GIẢ CON DẤU, TÀI LIỆU CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

### **1.1. Những khái niệm có liên quan**

#### **1.1.1. Khái niệm con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

Điều 1 Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng con dấu. Theo đó, *con dấu được sử dụng trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hội quần chúng, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang, cơ quan, tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức) và một số chức danh nhà nước. Con dấu thể hiện vị trí pháp lý và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản, giấy tờ của các cơ quan, tổ chức và các chức danh nhà nước.*

Như vậy, con dấu là yếu tố thể hiện vị trí pháp lý và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản, giấy tờ của các cơ quan, tổ chức và các chức danh nhà nước. Con dấu là thành phần biểu thị vị trí cơ quan trong hệ thống bộ máy nhà nước, là một trong những yếu tố quan trọng giúp cơ quan, tổ

chức tự nhân danh mình thực hiện các giao dịch, trao đổi với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Con dấu là thành phần quan trọng giúp các cơ quan, tổ chức tránh được tình trạng giả mạo giấy tờ.

Về khái niệm "Tài liệu", tác giả trích dẫn và phân tích khái niệm này đã được quy định tại Luật lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về lưu trữ. *Tài liệu là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm văn bản, dự án, bản vẽ thiết kế, bản đồ, công trình nghiên cứu, sổ sách, biểu thống kê; âm bản, dương bản phim, ảnh, vi phim; băng, đĩa ghi âm, ghi hình; tài liệu điện tử; bản thảo tác phẩm văn học, nghệ thuật; sổ công tác, nhật ký, hồi ký, bút tích, tài liệu viết tay; tranh vẽ hoặc in; ấn phẩm và vật mang tin khác.*

#### **1.1.2. Khái niệm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

Nhìn chung, làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức có thể được hiểu là hành vi sản xuất, khắc, đúc để có được con dấu giả hoặc bằng các thủ đoạn khác làm ra con dấu giả, bắt chước mẫu con dấu đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép sản xuất, lưu hành hoặc không theo mẫu đó. Hay nói cách khác, làm giả con dấu là bằng các thủ đoạn trái pháp luật khác nhau để có được con dấu tương tự như con dấu của cơ quan, tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền cấp theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Tương tự như làm giả con dấu, làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là hành vi in ấn, sản xuất trái phép các tài liệu hoặc giấy tờ khác theo mẫu gốc hoặc không theo mẫu gốc của cơ quan, tổ chức.

#### **1.1.3. Khái niệm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

Từ khái niệm tội phạm nói chung được quy định tại Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì khái niệm "Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" có thể được hiểu là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện việc làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân.

## **1.2. Quá trình hình thành và phát triển tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức trong pháp luật hình sự Việt Nam**

### **1.2.1. Giai đoạn từ 1945 đến khi ban hành Bộ luật hình sự 1985**

Thời kỳ này, ở nước ta những quan hệ pháp luật hình sự - hành chính còn chưa có nhiều sự tách biệt. Trong phần này, tác giả đã liệt kê các các Sắc lệnh quan trọng mà Chủ tịch nước ban hành để điều chỉnh những vấn đề có liên quan. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, hệ thống pháp luật liên quan đến việc hình sự của nước ta thời kỳ 1945 đến trước khi có Bộ luật hình sự đầu tiên chưa có quy định tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

### **1.2.2. Giai đoạn từ 1985 đến khi ban hành Bộ luật hình sự 1999**

Với sự phát triển của khoa học pháp lý nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, năm 1985 chúng ta đã ban hành Bộ luật hình sự đầu tiên với 12 chương, 280 điều. Mục C, Chương VIII, phần các tội phạm Bộ luật hình sự năm 1985 có 14 Điều (từ Điều 205 đến Điều 217) đã quy định về các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính. Lần đầu tiên, theo quy định của Bộ luật hình sự 1985, hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức được thể hiện tại Điều 211: Tội giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội.

Trong hơn mười năm có hiệu lực, Bộ luật hình sự năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung bốn lần và được thông qua vào các ngày 28/12/1989, ngày 12/08/1991, ngày 22/12/1992 và ngày 10/05/1997. Tuy nhiên, qua những lần sửa đổi, quy định tại Điều 211 vẫn được giữ nguyên. Điều đó chứng tỏ quy định này đã phát huy giá trị nhất định trong việc ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống lại tội phạm giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội.

### **1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự 1999 đến nay**

So với Bộ luật hình sự năm 1985 thì Bộ luật hình sự năm 1999 có rất nhiều quy định mới về tội phạm và hình phạt, về cơ cấu các chương, các điều, khoản. Nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính được quy định tại chương XX (từ Điều 257 đến Điều 276). Tội giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội đã được quy định tại Điều 211 Bộ luật hình sự năm 1985 đã được quy định lại và tách ra thành hai tội phạm

mới: Tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 266) và Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 267).

Trong nội dung này, tác giả đã đưa ra sự phân biệt giữa hai tội: Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 267) với Tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 266), dựa trên các tiêu chí nhất định như: những điểm giống nhau, điểm khác nhau (về hành vi trong mặt khách quan của tội phạm, về đối tượng tác động và về chế tài hình sự). Mục đích của việc phân biệt này nhằm hiểu rõ hơn về tội phạm được nghiên cứu so với những tội phạm khác cùng nhóm và là cơ sở để nhận thức đúng đắn về chính sách hình sự đối với từng tội phạm.

## **1.3. Quy định của Bộ luật hình sự 1999 về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

### **1.3.1. Các dấu hiệu pháp lý của tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

*Thứ nhất*, các dấu hiệu thuộc về chủ thể của tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức

Căn cứ vào mức chế tại quy định tại Điều 267 Bộ luật hình sự cho thấy mức độ nghiêm trọng của tội phạm chỉ dừng lại ở tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng cho nên chủ thể của tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Chủ thể của tội phạm này không có những dấu hiệu đặc biệt nên đương nhiên chủ thể của tội phạm không phải là chủ thể đặc biệt. Tuy nhiên, chủ thể của tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức cũng có thể là người có chức vụ, quyền hạn có trách nhiệm trong việc khắc con dấu, trong việc quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan tiến hành tố tụng, tổ chức. Đồng thời, nếu những người có chức vụ, quyền hạn có trách nhiệm trong việc bảo quản, gìn giữ con dấu mà phạm tội thì thuộc trường hợp "lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

*Thứ hai*, các dấu hiệu thuộc về khách thể của tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức

Tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức trực tiếp xâm hại đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, giấy tờ, sổ sách. Đây cũng chính là khách thể của tội phạm này. Bảo vệ sự an toàn của con dấu và các tài liệu, giấy tờ cũng chính là bảo đảm sự hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu và các loại tài liệu, giấy tờ này. Đối tượng tác động của tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức chính là con dấu giả, giấy tờ giả, tài liệu giả. Việc xác định thế nào là con dấu giả, tài liệu giả, giấy tờ giả trong một số trường hợp không khó, mắt thường cũng có thể phân biệt được. Tuy nhiên, không ít trường hợp người phạm tội làm giả con dấu, tài liệu, giấy tờ bằng phương pháp công nghệ cao rất khó phát hiện, cần phải giám định mới có thể phân biệt được có phải là giả hay không.

*Thứ ba*, các dấu hiệu thuộc về mặt khách quan của tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức

Đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, mặt khách quan của tội phạm thể hiện qua việc người phạm tội có thể thực hiện một trong hai hành vi khách quan, đó là hành vi làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ của cơ quan, tổ chức hoặc hành vi sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ giả nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân.

Hành vi *làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ của cơ quan, tổ chức*, hành vi này cũng tương tự như đối với hành vi của của người phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả quy định tại Điều 156 Bộ luật hình sự 1999. Tuy nhiên, hành vi làm giả con dấu, tài liệu khác với hành vi sản xuất hàng giả ở chỗ vật "*hàng*" được làm ra không phải là "hàng hóa" mà là con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ. Vì vậy, khi xác định con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ của cơ quan, tổ chức có bị làm giả hay không phải căn cứ vào con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ của cơ quan, tổ chức là con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ thật hay không. Trong định tội danh, nếu người phạm tội chỉ làm giả con dấu thì chỉ định tội là "làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức". Người phạm tội chỉ làm giả tài liệu hoặc giấy tờ của cơ quan, tổ chức thì chỉ định tội là "làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức". Bên cạnh đó, nếu người phạm tội bằng tài năng của mình

vẽ hình con dấu giả lên tài liệu, giấy tờ, thì hành vi này vừa là hành vi làm giả con dấu, vừa là hành vi làm giả tài liệu và bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội danh đầy đủ như điều luật quy định.

Hành vi thứ hai thuộc mặt khách quan của tội phạm là *hành vi sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân*. Về bản chất, hành vi này thể hiện ở "*thủ đoạn gian dối*", tuy nhiên sự gian dối này không nhằm chiếm đoạt tài sản mà nhằm mục đích khác như: dùng bằng tốt nghiệp giả, giấy chứng nhận khám sức khỏe giả để xin việc, để được bổ nhiệm, để tăng lương, để được đi lao động ở nước ngoài; làm giả sổ hộ khẩu để được mua nhà ở thành phố, để được giao đất trồng rừng...

*Về hậu quả của tội phạm*, đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức thì hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành cơ bản của tội phạm này, tức là người phạm tội chỉ cần thực hiện hành vi khách quan nói trên là tội phạm đã hoàn thành. Tuy nhiên, hậu quả lại là tình tiết định khung hình phạt. Do đó, việc xác định hậu quả tội phạm trong trường hợp này là rất cần thiết vì liên quan đến việc áp dụng các tình tiết tăng nặng định khung trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự với người phạm tội.

*Thứ tư*, các dấu hiệu thuộc về mặt chủ quan của tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, lỗi của chủ thể thực hiện hành vi phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp. Việc xác định nhận thức chủ quan của người phạm tội để xác định lỗi của họ là rất quan trọng: nếu họ chủ định làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu giả để thực hiện những hành vi trái luật, xâm phạm lợi ích của nhà nước, tổ chức, cá nhân thì sẽ phạm tội làm giả con dấu hoặc làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Động cơ phạm tội - động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện tội phạm cũng không phải là dấu hiệu bắt buộc nhưng việc xác định động cơ của người phạm tội là rất quan trọng, nếu vì nể nang, vì thành tích cục bộ thì tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội khác với trường hợp vì lợi ích vật chất hoặc vì trả thù cá nhân hay vì một động cơ hèn hạ khác.

### **1.3.2. Chế tài hình sự đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

*Thứ nhất*, chế tài hình sự trong cấu thành tội phạm cơ bản.

Đây là trường hợp người phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức không có các tình tiết định khung hình phạt, được quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự. Người phạm tội trong trường hợp này thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm không cao. Vì vậy, vấn đề quyết định hình phạt đối với người phạm tội ra sao để vừa đảm bảo tính trừng trị, răn đe lại vừa mang tính giáo dục, phòng ngừa cần phải được xem xét một cách toàn diện, từ yếu tố nhân thân, hoàn cảnh đến các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS.

*Thứ hai*, chế tài hình sự trong cấu thành tội phạm tăng nặng.

Khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự 1999 quy định: *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm: Có tổ chức; Phạm tội nhiều lần; Gây hậu quả nghiêm trọng; Tái phạm nguy hiểm.*

Như vậy, theo khoản này, khi có một trong các tình tiết dưới đây thì người phạm tội có thể bị phạt tù đến 5 năm:

- *Phạm tội có tổ chức*. Căn cứ vào Điều 20 Bộ luật hình sự 1999 có thể thấy, đồng phạm trong vụ án làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức chủ yếu thuộc hai dạng người: chủ mưu và giúp sức; trong đó người sử dụng là chủ mưu, người làm giả là người giúp sức. Mức độ liên kết giữa các đối tượng trong việc thực hiện hành vi phạm tội có thể là đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ hoặc cũng có thể là đồng phạm nhưng mức độ giản đơn, có sự phối hợp nhưng thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các đối tượng với nhau, chưa có sự phân công công việc một cách rạch ròi.

- *Phạm tội trong trường hợp "Phạm tội nhiều lần"*. Trên cơ sở nhiều quan điểm của các chuyên gia có uy tín khi đánh giá về tình tiết "Phạm tội nhiều lần" trong Luật hình sự, tác giả cho rằng, "phạm tội nhiều lần" đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức tức là: một người thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức để lừa dối cơ quan nhà nước, tổ chức,

công dân, thực hiện hành vi trái pháp luật từ hai lần trở lên và mỗi lần thực hiện hành vi đã cấu thành tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nhưng tất cả các lần phạm tội đó đều bị đưa ra xét xử trong cùng một bản án.

- *Phạm tội trong trường hợp "Gây hậu quả nghiêm trọng"*. Mặc dù không có sự hướng dẫn cụ thể về tình tiết "Gây hậu quả nghiêm trọng" tại điều luật 267 Bộ luật hình sự 1999, nhưng từ thực tiễn chính sách hình sự và các quan điểm của luật gia có uy tín, tác giả đồng tình với cách xác định "Gây hậu quả nghiêm trọng" theo hướng dẫn tại điểm 3.4 Thông tư liên tịch số: 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương "Các tội xâm phạm sở hữu". Theo đó, mức khởi điểm để xác định hậu quả nghiêm trọng của hành vi phạm tội là gây thiệt hại từ 50 triệu đồng trở lên. Tội làm giả con dấu, tài liệu hoặc sử dụng con dấu tài liệu giả đó để lừa dối cơ quan nhà nước, tổ chức, công dân có thể gây thiệt hại chủ yếu về mặt vật chất (tính mạng, sức khỏe con người, tài sản), hậu quả nghiêm trọng của tội danh này phải xét đến thực tế người làm giả, người sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ giả để lừa dối cơ quan, tổ chức, công dân bao nhiêu tiền. Bên cạnh các thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản thì, thực tiễn cho thấy còn có thể có hậu quả phi vật chất, như ảnh hưởng xấu tới việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, gây ảnh hưởng về an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân... Trong các trường hợp này, phải tùy vào từng trường hợp cụ thể để đánh giá mức độ của hậu quả do tội phạm gây ra là nghiêm trọng hay không.

- *Phạm tội trong trường hợp "Tái phạm nguy hiểm"*. Đối với tội làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ của cơ quan, tổ chức không có trường hợp phạm tội nào là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nên chỉ bị coi là tái phạm nguy hiểm trong trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ của cơ quan, tổ chức.

*Thứ ba*, chế tài hình sự trong cấu thành tội phạm rất tăng nặng.

Khoản 3 của điều luật quy định hai tình tiết là yếu tố định khung hình phạt, nhưng hai tình tiết này lại có mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau, đó là: "*phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*". Nội dung này, theo quan điểm tác giả thì cần vận dụng hướng dẫn tại Tại điểm b, tiểu mục 3.4 phần I Thông tư liên tịch số: 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP để áp dụng trong trường hợp người phạm tội có yếu tố định khung rất tăng nặng nói trên.

*Thứ tư*, chế tài hình sự về hình phạt bổ sung đối người thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 4 của điều luật, theo đó người thực hiện hành vi phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Hình phạt tiền được áp dụng ở đây vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung.

## **Chương 2**

### **THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI LÀM GIẢ CON DẤU, TÀI LIỆU CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TẠI TỈNH PHÚ THỌ VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **2.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức tại tỉnh Phú Thọ**

##### **2.1.1. Vài nét về địa chính trị, kinh tế tỉnh Phú Thọ**

Phú Thọ là tỉnh thuộc vùng Đông Bắc nước ta; tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh 3.532,9493 km<sup>2</sup>, chiếm 1,5% diện tích cả nước. Phú Thọ bao gồm 1 thành phố trực thuộc, 1 thị xã và 11 huyện, 277 xã/phường/thị trấn. Phú Thọ với những nguồn lực hiện có với những điều kiện thuận lợi cả về mặt tự nhiên và kinh tế - xã hội để phát triển. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh cũng là nơi các đối tượng phạm tội hoạt động, trong đó có tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

#### **2.1.2. Những kết quả đạt được trong điều tra, truy tố, xét xử về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

Trong phần này, tác giả trình bày cụ thể những kết quả đạt được trong công tác áp dụng pháp luật hình sự đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trên ba khía cạnh: điều tra, truy tố, xét xử.

*Thứ nhất*, trong 5 năm từ năm 2009 đến 2014, các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án đã phát hiện khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hàng loạt vụ làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, kịp thời ngăn chặn được tội phạm này trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Trong nội dung này, tác giả phân tích dựa trên số liệu án xảy ra trên địa bàn tỉnh theo kết quả tổng hợp của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, đánh giá diễn biến tăng, giảm của tình hình tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

*Thứ hai*, về hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo bị đưa ra xét xử từ năm 2009 đến 2014. Về hình phạt được áp dụng mà các Tòa án đưa ra trong quá trình xét xử cũng phù hợp với quy định của luật vừa đảm bảo yêu cầu đấu tranh chống tội phạm. Cụ thể, tùy từng mức độ nghiêm trọng khác nhau, từng bị cáo khác nhau mà Tòa án xem xét và quyết định hình phạt. Trong đó tác giả đưa ra bảng số liệu trình bày về tình hình áp dụng hình phạt mà các Tòa án áp dụng đối với bị cáo phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

*Thứ ba*, qua điều tra, truy tố xét xử về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức khác phát hiện nhiều loại đối tượng khác nhau thực hiện tội phạm này. Mỗi đối tượng phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức có những đặc điểm riêng. Trong nội dung này, tác giả phân tích dựa trên những đánh giá về các đặc điểm nhân thân của người phạm tội: như lứa tuổi, nghề nghiệp, thành phần xã hội, trình độ nhận thức...

*Thứ tư*, một điểm đáng chú ý là một số tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức lại gắn với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Những vụ án làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức gắn với mục đích chiếm đoạt tài sản thường là những vụ án rất phức tạp xảy ra trên địa bàn tỉnh.

*Thứ năm*, các cơ quan công an, kiểm sát, tòa án đã rất cố gắng trong đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Phần này, tác giả



tập trung nhấn mạnh vào những hoạt động của cơ quan điều tra các cấp tỉnh Phú Thọ với những kết quả đã đạt được trong công tác đấu tranh chống tội phạm nói chung, trong đó có tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Đặc biệt, nhấn mạnh vai trò của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh. Đây là đầu mối quan trọng trong việc giám định các tài liệu, con dấu bị các đối tượng phạm tội làm giả, thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn. Từ kết quả của công tác giám định, cơ quan điều tra đã khám phá để cơ quan chức năng đưa ra truy tố, xét xử những đường dây làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức như đường dây làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm giả giấy phép lái xe ô tô, đăng ký xe...

Viện kiểm sát nhân dân các cấp tỉnh Phú Thọ đã thực hiện tốt công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án về xâm phạm trật tự quản lý hành chính nói chung, các vụ án về tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nói riêng, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã chỉ đạo các đơn vị trong tỉnh đổi mới phương pháp kiểm sát, nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực, trình độ và kinh nghiệm thực tiễn công tác để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Đến nay, 100% vụ án được đưa ra xét xử, kiểm sát viên đều bảo vệ thành công cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có trường hợp nào Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội.

Ngành Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cũng đã chủ động đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án, trong đó có các vụ án về xâm phạm trật tự quản lý hành chính; hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót về nghiệp vụ. Cùng với đó, Tòa án thường xuyên phối hợp, hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng khác để đề ra phương án tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án. Ngành tòa án đã đưa ra xét xử kịp thời và tổ chức những phiên tòa lưu động tại nơi xảy ra vụ án, kết hợp tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

### **2.1.3. Những tồn tại, thiếu sót trong điều tra, truy tố, xét xử về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

*Thứ nhất*, một số điều tra viên, kiểm sát viên, cán bộ tòa án các cấp tỉnh Phú Thọ còn chưa nắm vững những quy định của pháp luật hình sự về cấu

thành tội phạm và những vấn đề liên quan của tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Nhất là việc phân biệt, xác định con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan tổ chức bị làm giả.

Thêm vào đó, hiểu như thế nào là phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng, phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Chính sự hiểu biết còn hạn chế này nên khi phát hiện, điều tra thu thập chứng cứ chứng minh còn lúng túng và còn bỏ lọt tội phạm.

*Thứ hai*, một số bộ phận cán bộ điều tra trong quá trình công tác, phá án còn thiếu sự linh hoạt, nhạy bén trong tư duy nghiệp vụ, dẫn đến quá trình thu thập chứng cứ có bỏ lọt những chứng cứ quan trọng liên quan đến vụ án, chứng minh hành động phạm tội của đối tượng.

Hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ chưa thật sự chú trọng đến các nguồn chứng cứ, chủ yếu bằng việc nắm bắt địa bàn của cơ quan điều tra dựa vào những hoạt động của một số đối tượng khả nghi, lạ mặt trên địa bàn, hoặc qua lời khai của người liên quan, người làm chứng, đơn tố cáo, tin báo tố giác tội phạm, các nguồn chứng cứ khác là rất ít.

*Thứ ba*, sự phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ trong thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ ở các vụ án làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức còn chưa chặt chẽ, sâu sắc, đôi khi còn mang tính bị động.

Tính thụ động thể hiện ở sự phụ thuộc vào kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh. Công tác thông tin, liên lạc về đơn vị vụ khác trong và ngoài tỉnh nhiều khi chưa kịp thời, đồng bộ, dẫn đến hiệu quả trong công tác điều tra, xử lý tội phạm xâm hại trật tự quản lý hành chính nói chung, tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nói riêng chưa cao.

*Thứ tư*, công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các vụ án làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân còn có những khó khăn, vướng mắc.

Trước hết, những khó khăn, vướng mắc của phía Cơ quan điều tra trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ dẫn đến những khó khăn của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố. Không chỉ vậy, nhiều Kiểm sát viên còn bị

động, không nắm sát tình hình, chỉ dựa trên báo cáo, tài liệu của Cơ quan điều tra mà không chủ động tham gia hỏi cung, vạch ra yêu cầu điều tra đối với Cơ quan điều tra.

*Thứ năm*, trong công tác xét xử, một số thẩm phán, cán bộ tòa án còn chưa nhận thức đầy đủ, chính xác tầm quan trọng của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về trật tự quản lý hành chính nói chung, tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nói riêng trong tình hình hiện nay, nên việc quyết định hình phạt trong một số ít trường hợp chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

## **2.2. Những nguyên nhân gây nên những tồn tại trong áp dụng pháp luật hình sự về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

*Thứ nhất*, hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức nói chung, pháp luật hình sự nói riêng chưa hoàn chỉnh đã gây nên những khó khăn nhất định cho công tác điều tra, khám phá xử lý tội làm giả con dấu, tài liệu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Trong nội dung này, tác giả đánh giá những hạn chế về nội dung pháp luật hình sự về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, trực tiếp là Điều 267 Bộ luật hình sự 1999, với những hạn chế như: tên gọi điều luật, cấu trúc điều luật, nội dung về hành vi khách quan, mức chế tài áp dụng... để đưa đánh giá tổng quát.

*Thứ hai*, thực tiễn công tác quản lý, sử dụng con dấu của nhiều cơ quan, tổ chức hiện nay còn chưa chặt chẽ đã tạo điều kiện cho tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức hoạt động.

Tác giả đưa ra những đánh giá cụ thể về công tác quản lý (thực trạng văn bản pháp luật về quản lý con dấu, quy định về chế độ con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức), công tác sử dụng (hiện trạng sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức, công tác lưu giữ, bảo quản con dấu...), đặc biệt là đánh giá những tồn tại của việc duy trì chế độ con dấu đối với một số tổ chức ở nước ta hiện nay để thấy được sự cần thiết của việc bỏ hay không bỏ con dấu.

*Thứ ba*, công tác giám định tư pháp, đặc biệt là giám định tài liệu, con dấu của các cơ quan, đơn vị tiến hành hoạt động giám định còn thiếu.

Thực trạng công tác giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ cũng như trên cả nước còn gặp nhiều vướng mắc nhất định. Điều này thể hiện qua đánh giá cụ thể về tình hình thực hiện công tác giám định của cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh những mặt làm được và tạo ra những đóng góp tích cực, hoạt động giám định của cơ quan có thẩm quyền còn những khó khăn, vướng mắc nhất định, gây ảnh hưởng không nhỏ tới công tác đấu tranh chống tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

*Thứ tư*, tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao trong việc làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức ngày càng tinh vi về thủ đoạn, công nghệ đã thách thức không nhỏ công tác khám phá, điều tra, làm rõ loại tội phạm này của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Qua thực tế các cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, thấy rằng, phương thức, thủ đoạn làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức của tội phạm càng tinh vi thì hậu quả của tội phạm gây ra càng phức tạp và công tác đấu tranh của lực lượng công an càng khó khăn bấy nhiêu.

*Thứ năm*, công tác quản lý quy trình lập, cấp các loại giấy tờ, giấy chứng nhận (như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy khám sức khỏe...) chưa chặt chẽ dễ xảy ra tình trạng mất "phôi", một số cán bộ biến chất móc nối với các đối tượng trong việc làm giả.

*Thứ sáu*, công tác nâng cao trình độ cho cán bộ điều tra, truy tố, xét xử còn chưa được thường xuyên, đồng đều nên hạn chế năng lực của các cán bộ tư pháp.

*Thứ bảy*, những nguyên nhân khác cản trở hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

## **2.3. Các đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

### **2.3.1. Những quan điểm cơ bản trong cải cách tư pháp liên quan đến đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

Trong phần này, tác giả trình bày những quan điểm trong cải cách tư pháp liên quan đến đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về

chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với bốn nội dung cơ bản, đồng thời cập nhật các nội dung theo tinh thần Kết luận số 92-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, trong đó điều chỉnh một số quan điểm và nhiệm vụ cải cách tư pháp.

### **2.3.2. Hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

*Thứ nhất*, các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cần có văn bản hướng dẫn việc thực hiện Điều 267 Bộ luật hình sự về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức càng nhanh càng tốt để hệ thống các cơ quan tư pháp các cấp thực hiện nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử.

Trong nội dung này, tác giả đề xuất sửa đổi về tên gọi của điều luật thành "*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ giả nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức, công dân*"; sửa đổi nội dung của điều luật theo hướng "*Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính về những hành vi này, thì bị phạt tiền từ...*"

*Thứ hai*, cần sửa đổi, bổ sung các quy định về hình phạt, đảm bảo tính hợp lý, công bằng và phù hợp với đặc điểm của tội phạm và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Theo quan điểm chúng tôi mức phạt tiền nên có sự thay đổi theo hướng tăng lên, mức thấp nhất tối thiểu cũng phải từ 10.000.000 VNĐ, mức tối đa có thể đến 100.000.000 VNĐ. Đối với trường hợp, người phạm tội đã khắc phục được hậu quả, hậu quả không lớn, thì ngoài ra có nên chăng điều luật cũng quy định một cách chính thức áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng có thể giáo dục cải tạo được người phạm tội.

*Thứ ba*, cần quy định cụ thể các tình tiết định khung trong điều luật, tạo điều kiện cho việc cá thể hóa hình phạt.

Theo quan điểm chúng tôi, để quy định của Bộ luật hình sự về loại tội phạm này có thể bao quát hết được các tình tiết định khung, phản ánh đúng

tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm đang có xu hướng gia tăng trong tình hình hiện nay, cần có sự sửa đổi bổ sung các khoản định khung tăng nặng của Điều 267 Bộ luật hình sự. Đồng thời, nhà làm luật cần phải chú ý xây dựng một biện pháp thích hợp như việc quy định nếu việc làm giả giấy chứng nhận của cơ quan, tổ chức, làm giả con dấu hay sử dụng các giấy tờ giả mạo làm phương tiện, điều kiện để thực hiện hành vi trốn đi nước ngoài, trốn ở lại nước ngoài là tình tiết tăng nặng định khung của người hành vi làm giả con dấu, tài liệu, giấy tờ trong trường hợp này để tránh việc bỏ lọt tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật.

*Thứ tư*, ngoài việc hoàn thiện pháp luật hình sự, các văn bản pháp luật chuyên ngành khác quy định về công tác quản lý văn thư, lưu trữ, quản lý, sử dụng con dấu cũng cần có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nhằm đảm bảo tính đồng bộ.

Nội dung này trình bày phương hướng hoàn thiện pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu, tài liệu ở Việt Nam: xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn, sửa đổi Nghị định 58, Nghị định 31 hoặc ban hành các Nghị định thay thế để phù hợp với thực tiễn đấu tranh chống tội phạm về làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trong tình hình hiện nay.

*Thứ năm*, giải pháp về việc cần thiết loại bỏ con dấu cũng là một nội dung được quan tâm hiện nay.

Trong nội dung này, tác giả nêu lý do của việc cần thiết loại bỏ con dấu trong tổ chức, hoạt động đối với một số loại hình cơ quan, tổ chức, đặc biệt là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; việc làm này cũng cần theo một lộ trình, được cân nhắc một cách kỹ càng như: việc tính đến yếu tố công nghệ thông tin (như việc sử dụng chữ ký điện tử/chữ ký số còn chưa được áp dụng rộng rãi trong phần lớn các giao dịch kinh doanh); yếu tố quản lý nhà nước (tính đến yếu tố khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là việc xác minh tính pháp lý của văn bản trong các tranh chấp kinh doanh); yếu tố văn hóa xã hội (con dấu được coi như một biểu tượng chính thức của doanh nghiệp và có giá trị xác tín nhiều hơn chữ ký của cá nhân). Có như vậy, tội phạm làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức tự nhiên sẽ "hết đất sống".

### **2.3.3. Các đề xuất, kiến nghị khác nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

Tác giả luận văn đề xuất một số kiến nghị khác nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, đó là:

*Thứ nhất*, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức

*Thứ hai*, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan khác của nhà nước, tổ chức xã hội trong đấu tranh với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức

*Thứ ba*, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân

## **KẾT LUẬN**

Từ những nghiên cứu về luật hình sự Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử ta thấy rằng những quy định về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức đều có chung một mục đích là nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa những người phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, ở mỗi giai đoạn, luật hình sự lại có những quy định khác nhau về tội phạm này.

Năm 1985, Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời. Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1985, hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức được thể hiện tại Điều 211: Tội giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội.

Trong hơn mười năm có hiệu lực, Bộ luật hình sự năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung bốn lần vào các ngày 28/12/1989, 12/8/1991, 22/12/1992, 10/5/1997. Tuy nhiên, qua những lần sửa đổi, quy định tại Điều 211 vẫn được giữ nguyên. Điều đó chứng tỏ quy định này đã phát huy giá trị nhất định trong việc ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống lại tội phạm giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội.

So với Bộ luật hình sự năm 1985 thì Bộ luật hình sự năm 1999 có rất nhiều quy định mới về tội phạm và hình phạt, về cơ cấu các chương, các

điều, khoản. Các tội xâm phạm trật tự an toàn, trật tự công cộng tại chương VIII Bộ luật hình sự năm 1985 đã được tách ra, chuyển các tội phạm vào từng nhóm chế định cụ thể. Nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính được quy định tại chương XX (từ Điều 257 đến Điều 276). Tội giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội đã được quy định tại Điều 211 Bộ luật hình sự năm 1985 đã được quy định lại và tách ra thành hai tội phạm mới: Tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 266) và Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 267). Những thay đổi của Bộ luật hình sự năm 1999 thể hiện rõ sự phát triển vượt bậc về nhận thức pháp luật của các nhà làm luật Việt Nam trước tình hình mới, thể hiện rõ sự hoàn thiện về kỹ thuật lập pháp trong một văn bản quy phạm pháp luật được xếp vào hàng quan trọng bậc nhất của quốc gia. Tất cả những sự thay đổi đó chứng minh sự lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước trong tình hình mới là vô cùng sáng suốt và đúng đắn.

Ngoài việc nêu được lịch sử phát triển của tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trong luật hình sự qua từng thời kỳ lịch sử, trong chương 1, tác giả còn phân tích những khái niệm có liên quan đến con dấu, tài liệu giả; làm giả con dấu, tài liệu và tội làm giả con dấu, tài liệu để chúng ta có một cái nhìn chính xác và toàn diện về đối tượng hướng tới của loại tội phạm này. Bên cạnh đó, tác giả cũng cố gắng so sánh được những điểm giống và khác nhau giữa tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 267) với các tội trong cùng một chương như tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 266). Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc tìm ra những dấu hiệu đặc trưng nhất để phân biệt tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính khác trong cùng một nhóm, giúp loại bỏ sự nhầm lẫn về lý luận khi nghiên cứu các loại tội này cũng như tránh được sự nhầm lẫn trong quá trình xác định tội danh và khung hình phạt áp dụng với người phạm tội trong thực tiễn xét xử.

Về dấu hiệu pháp lý của tội phạm đã làm rõ được các dấu hiệu đặc trưng nhất về mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể và khách thể của tội phạm. Theo đó, mặt khách quan của tội phạm này thể hiện qua các hành vi

làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và hành vi sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân; mặt chủ quan của tội phạm thể hiện ở lỗi cố ý trực tiếp; chủ thể của tội phạm từ đủ 16 tuổi trở lên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình; khách thể của tội phạm là trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu của các cơ quan, tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước.

Về chế tài hình sự áp dụng đối với người phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, Điều 267 Bộ luật hình sự quy định ba hình phạt chính và một hình phạt bổ sung. Khung cơ bản được quy định tại khoản 1 với mức phạt tù được áp dụng từ sáu tháng đến ba năm. Hai khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định ở khoản 2 (phạm tội có tổ chức; phạm tội nhiều lần; gây hậu quả nghiêm trọng; tái phạm nguy hiểm với mức phạt tù có thời hạn từ hai năm đến năm năm) và khoản 3 (phạm tội trong trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng) với mức phạt tù có thời hạn từ bốn năm đến bảy năm. Hình phạt bổ sung được quy định ở khoản 4 của điều luật, người thực hiện hành vi phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

Từ số liệu thực tế cũng như những vụ án đã xảy ra trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn này, tác giả đã phân tích thực trạng, nguyên nhân và một số biện pháp đã và đang được cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Phú Thọ thực hiện trong công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, làm cơ sở cho những kiến nghị và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của luật hình sự về tội phạm này mà tác giả đề cập tới trong chương 3 của luận văn.

Trong những năm qua, tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức đã mang tính chất quốc tế, thuộc nhóm tội phạm lợi dụng công nghệ cao để thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm đe dọa đến công tác quản lý hành chính của nhà nước, đối với nền kinh tế đang phát triển, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm, đe dọa sự ổn định của đất nước, của chế độ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, các cơ quan tiến hành tố tụng ở tỉnh Phú Thọ vẫn còn có khó

khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả về số lượng và quy mô phạm tội, phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi. Xuất phát từ thực trạng đó, một yêu cầu đặt ra là cần phải nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Vì vậy, trong nghiên cứu này, tác giả đã khảo sát thực trạng điều tra, truy tố, xét xử tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2009 - 2014, chỉ ra những nguyên nhân của những hạn chế trong điều tra, truy tố, xét xử tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của cơ quan tiến hành tố tụng ở tỉnh Phú Thọ.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, đề tài đã luận giải và đưa ra một số giải pháp để đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh với loại tội phạm này trong thời gian tới. Đó là các giải pháp đồng bộ tác động vào các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án. Đề tài đã phân tích lập luận cho việc đưa ra một số biện pháp cụ thể, trước mắt bao gồm các nhóm giải pháp cho từng cơ quan tiến hành tố tụng trên các mặt tổ chức, nghiệp vụ, đầu tư kinh phí, trang thiết bị, xây dựng phát triển nguồn nhân lực, hợp tác giữa các đơn vị, hợp tác quốc tế và xây dựng, hoàn thiện pháp luật hình sự.

Với những kết quả đạt được của đề tài, tác giả hy vọng rằng đề tài sẽ có những đóng góp nhất định trong việc nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử tội phạm làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, từ đó đẩy lùi loại tội phạm này, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý đất nước, đồng thời mang lại một nền kinh tế vững mạnh, mang lại cuộc sống bình yên, tươi đẹp cho nhân dân.